

**BỔ SUNG LOÀI *AMESIODENDRON TIENLINENSE* H. S. LO  
(HỌ BỒ HÒN – SAPINDACEAE Juss.) CHO HỆ THỰC VẬT VIỆT NAM**

**HÀ MINH TÂM**

*Trường đại học Sư phạm Hà Nội 2*

**NGUYỄN KHẮC KHÔI, VŨ XUÂN PHƯƠNG**

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Trên thế giới, trước khi Hu công bố chi *Amesiodendron* vào năm 1936, Merrill (1935) đã công bố loài *Paranephelium chinense*, nay trở thành tên đồng nghĩa của loài *Amesiodendron chinense* (Merr.) Hu - loài typ của chi *Amesiodendron* Hu. Sau này, H. S. Lo (1979) công bố thêm 2 loài mới là *A. integrifoliolatum* và *A. tienlinense*, nâng tổng số loài của chi lên 3 loài. Theo Gagnepain (1950), Phạm Hoàng Hộ (2000), Trần Kim Liên & Hà Minh Tâm (2003), ở Việt Nam, chi này chỉ có loài *A. chinense*.

Khi nghiên cứu các mẫu vật tại Phòng tiêu bản thực vật thuộc Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chúng tôi đã phát hiện mẫu vật mang số hiệu N. A. Tiếp 596 (thu tại huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh) và mẫu Hà Tuế 753 (thu tại Ba Rền, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình) thuộc loài *A. tienlinense*. Đây là loài mới bổ sung cho hệ thực vật Việt Nam. Dưới đây, chúng tôi xin cung cấp một số thông tin về chi *Amesiodendron* Hu và loài *A. tienlinense* H. S. Lo.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

#### 1. Mẫu vật

Các tiêu bản khô thuộc chi *Amesiodendron*, gồm: 5 số hiệu (với 40 mẫu vật) hiện được lưu giữ tại phòng tiêu bản thực vật - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật (HN); 5 số hiệu (với 5 mẫu vật) được lưu giữ tại Viện Sinh học nhiệt đới tại tp. Hồ Chí Minh (HM), 5 số hiệu (với 5 mẫu vật) được lưu giữ tại Viện Điều tra Quy hoạch

rừng (HNF), 1 số hiệu (với 3 mẫu vật) được lưu giữ tại Trường đại học Khoa học tự nhiên - Đại học quốc gia Hà Nội (HNU). Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo một số mẫu vật thuộc chi *Amesiodendron* của Trung Quốc (hiện được lưu giữ tại Viện Thực vật Kunming - Trung Quốc), Lào (được lưu giữ tại Viện Sinh học nhiệt đới tại tp. Hồ Chí Minh), Thái Lan, In-đô-nê-xi-a (được lưu giữ tại Viện Thực vật Kyotoensis - Nhật Bản).

#### 2. Phương pháp

Để nghiên cứu phân loại chi *Amesiodendron*, chúng tôi sử dụng phương pháp hình thái so sánh.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### *Amesiodendron* Hu - Trường

Hu, 1936. Bull. Fan. Mem. Inst. Biol. (Bot.). 7: 207; How & C. N. Ho, 1955. Acta Phytotax. Sin. 3(4): 399; C. Y. Wu, 1977. Fl. Yunn. 1: 278; H. S. Lo & T. Chen, 1985. Fl. Reipubl. Pop. Sin. 47(1): 48; Yap, 1989. Tree Fl. Mal. 4: 437; C. Y. Wu, 1991. Icon. Arb. Yunn. 683; Leenh. 1994. Fl. Males. ser. I. 11(3): 465; Welzen, 1999. Fl. Thailand, 7(1): 183; T. K. Lien & H. M. Tam, 2003. Checklist Pl. Sp. Vietn. 2: 1016.

**Typus:** *Amesiodendron chinense* (Merr.) Hu.

Có 3 loài, phân bố chủ yếu ở khu vực châu Á. Việt Nam có 2 loài.

### KHÓA ĐỊNH LOẠI CÁC LOÀI THUỘC CHI *AMESIODENDRON* Hu ĐÃ BIẾT Ở VIỆT NAM

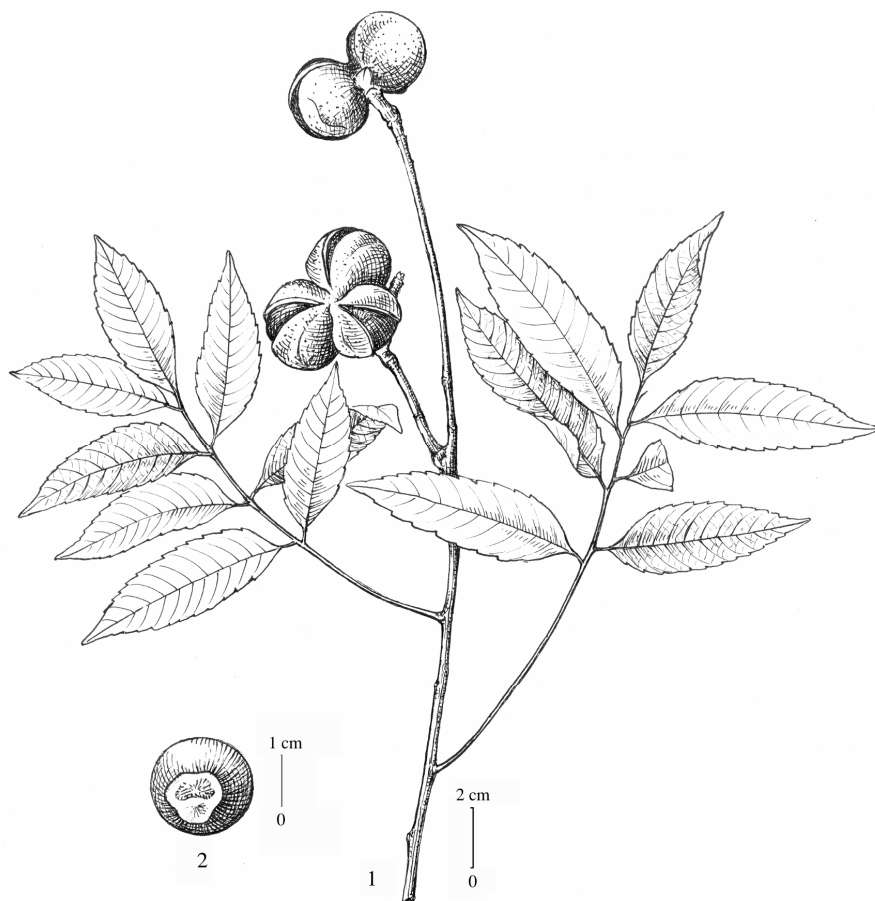
- 1A. Cánh hoa có vảy không chia thùy. Vỏ quả gỗ gồ ghề hoặc tạo thành u lồi chỏm .....**1. *A. chinense***  
 1B. Cánh hoa có vảy chia 2 thùy. Vỏ quả có gân .....**2. *A. tienlinense***

***Amesiodendron tienlinense* H. S. Lo -  
Trường quang tây**

H. S. Lo, 1979. Acta Phytotax. Sin. 17: 36;  
H. S. Lo & T. Chen, 1985. Fl. Reipubl. Pop. Sin.  
47(1): 50. - Trường.

Cây gỗ cao 25-30 m. Cành mang hoa có lỗ  
vỏ dày và rõ, thường không có lông. Cuống lá  
dài 4-6 cm, tròn, có lỗ vỏ, không hoặc có lông;  
trục lá dài 9-13 cm, tròn hoặc có rãnh ở mặt  
trên, có lỗ vỏ, không hoặc có lông. Lá chét 3-6  
(-7) đôi, hình bầu dục hoặc trứng hẹp, cỡ 5-8  
(-12,5) × 2-3 (-4,3) cm; chóp nhọn; mép có răng  
cưa từ gân gốc; gốc hơi lệch, nhọn; mặt trên  
không có lông; mặt dưới không hoặc có lông ở  
gốc gân chính; gân chính ở mặt trên tạo thành  
gờ có góc; gân bên 9-12 đôi, thường kết thúc ở  
đỉnh răng cưa, ít khi kết thúc ở kẽ răng hoặc tắt  
dần ở gân mép; gân phụ nhiều và rõ; gân mạng  
mờ; cuống lá chét dài 3-4 mm, có lông mịn.

Cụm hoa thường ở đỉnh cành, hình chùy, ở quả  
dài đến 32 cm, có lỗ vỏ rõ, không hoặc có lông  
tơ. Cuống hoa ngắn. Lá đài gần hình tam giác,  
cao 0,5 mm, có lông tơ. Cánh hoa thường 5(-7),  
gần hình bầu dục, dài 1,5 mm, mặt trong có 1  
vây; chóp vây xẻ 2 thùy uốn ngược, rậm lông.  
Nhị 8; chỉ nhị dài 1,5-2 mm, có lông cứng. Bầu  
rậm lông, 3 ô, mỗi ô chứa 1 noãn; vòi nhụy ở  
đỉnh. Quả nang, khi chín màu nâu, gồm 3 thùy.  
Thùy quả phát triển gần hình cầu, cỡ 2,2 cm; vỏ  
dày 1 mm; mặt ngoài có một số gân mờ và 1  
gân thấp hơn 1 mm chia thùy quả thành 2 phần  
bằng nhau, khi chín mở ở giữa gờ thành 2 mảnh  
vỏ, khắp bề mặt có các nốt như mốc, không có  
lông; mặt trong hơi giáp, không có lông. Hạt  
hình cầu méo, màu nâu, nhẵn bóng, đường kính  
đến 2 cm; rốn hạt ở gốc, gần hình bầu dục, cỡ  
1,5 × 0,8 cm, phân phụ của rốn hạt gần hình  
thang, cỡ 1 × 0,6 cm, gần cùng màu với rốn hạt  
(xem hình vẽ).



***Amesiodendron tienlinense* H. S. Lo**

1. cành mang quả; 2. hạt.

(hình H. M. Tâm, 2006; vẽ theo mẫu vật Hà Tuế 753, HN)

**Loc. class.:** China (Guangxi, Tienlin).

**Mẫu chuẩn:** Zh. T. Li 600983 (PE, holo).

**Sinh học và sinh thái:** Ra hoa tháng 5-7, quả chín tháng 8-10. Mọc rải rác trong rừng, ở độ cao 700-1000 m.

**Phân bố:** Hà Tĩnh (Hương Sơn), Quảng Bình (Ba Rền). Còn có ở Trung Quốc (Guangxi và Guizhou), Lào (Savannakhet).

**Mẫu nghiên cứu:** Hà Tĩnh, N. A. Tiếp 596 (HN). - Quảng Bình, Hà Tuất 753 (HN).

**Giá trị sử dụng:** Gỗ cứng mịn, không bị mối mọt, thường được dùng trong xây dựng, đóng đồ dùng gia đình. Hạt chứa dầu được dùng trong công nghiệp.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ganepain.**, 1950: Supplément à la Flore Générale de l'Indo-Chine, I(4): 971. Paris.
2. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000: Cây cỏ Việt Nam, II: 326, Nxb. Trẻ, tp. Hồ Chí Minh.
3. **Leenhouts P. W.**, 1994: Flora Malesiana, I, 11(3): 465-467. Leiden, Netherlands.
4. **Lo H. S.**, 1979: Acta Phytotax. Sin., 17(2): 36.
5. **Lo H. S. & T. Chen**, 1985: Flora Reipublicae Popularis Sinicae, 47(1): 48-52. Peikin.
6. **Trần Kim Liên & Hà Minh Tâm**, 2003: Danh lục các loài thực vật Việt Nam, 2: 1016. Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
7. **Yap S. K.**, 1989: Tree Flora of Malaya, 4: 437-438. Longman Malaysia.
8. **Welzen P. C.**, 1999: Flora of Thailand, 7(1): 183-184. Bangkok.
9. **Wu C. Y.**, 1991: Iconographia Arbororum Yunnanicorum, 3: 683-685. Yunnan Scier and Technology Press.

### **AMESIODENDRON TIENLINENSE H. S. Lo (SAPINDACEAE Juss.) A NEW SPECIES FOR THE FLORA OF VIETNAM**

HA MINH TAM, NGUYEN KHAC KHOI, VU XUAN PHUONG

#### SUMMARY

The genus *Amesiodendron* Hu (Sapindaceae Juss.) has 3 species, distributing in China and some countries of SE Asia (Vietnam, Laos, Thailand and Malayxia). According to Gagnepain (1950), Pham Hoang Ho (2000), Tran Kim Lien & Ha Minh Tam (2003)... in Vietnam, the genus *Amesiodendron* has 1 species (*Amesiodendron chinense* Hu). However, during the study of the specimen Nguyen Anh Tiep 596 collected in Hatinh province (Huongson) and the specimen Ha Tuc 753 collected in Quangbinh province (Baren), we have identified that they are *Amesiodendron tienlinense* H. S. Lo, a new species for the flora of Vietnam.

In this article, we introduced study results for the genus *Amesiodendron* Hu in Vietnam, including a key to the species in Vietnam and provided some infomations about morphology, ecology, distribution... of this species *A. tienlinense* H. S. Lo in the flora of Vietnam.

Ngày nhận bài: 22-11-2006